TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số:11/2018/QĐST-DS	*Đăk Hà, ngày 11 tháng 5 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2018, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1963.

Trú tại: Số 321 Trần Nhân T, phường Quang T, thành phố Kon T.

- ***Bị đơn*** : Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974.

Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn Đăk H, huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Q phải trả cho chị Phạm Thị T số tiền là **126.000.000** đ (*một trăm hai mươi sáu triệu*) đồng. Số tiền này được các đương sự thỏa thuận như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 31/5/2018 chị Nguyễn Thị Q sẽ trả cho chị Phạm Thị T số tiền 26.000.000 đ (*hai mươi sáu triệu*) đồng, còn lại 100.000.000 đ (*một trăm triệu*) đồng.
- Lần thứ hai: Vào ngày 30/10/2018 chị Nguyễn Thị Q sẽ trả chị Phạm Thị T số tiền 30.000.000 đ (*ba mươi triệu*) đồng, còn lại 70.000.000 đ (*bảy mươi triệu*) đồng.

- Lần thứ ba: Vào ngày 31/5/2019 chị Nguyễn Thị Q sẽ trả cho chị Phạm Thị T số tiền 30.000.000 đ (*ba mươi triệu*) đồng, còn lại 40.000.000 đ (*bốn mươi triệu*) đồng.
- Lần thứ tư: Vào ngày 31/12/2019 chị Nguyễn Thị Q sẽ trả cho chị Phạm Thị T số tiền 40.000.000 đ (*bốn mươi triệu*) đồng.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

***Về án phí dân sự sơ thẩm*:** Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **3.150.000** đồng (*Ba triệu, một trăm năm mươi ngàn*) đồng.

Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền là **3.739.050** đồng (*Ba triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, không trăm năm mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2010/0009331 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Ngô Văn Minh